TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-PT
Ngày: 18-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 306/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn N và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2021/HS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Phạm Văn N, sinh năm 1988, tại Ninh Bình; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Những nơi đã cư trú; khóm M, Phường 3, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: khóm M, thị trấn M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tín đồ Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; cha: Phạm Văn C; mẹ: Trần Thị T; Vợ: Trần Thị N, sinh năm: 1991; có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 14/9/2020, bị Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố L, xử phạt 2.450.0000 đồng về các hành vi đánh bạc, sử dụng trái phép chất ma túy và không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú. Đã chấp hành nộp phạt ngày 16/9/2020; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn Q, sinh năm 1980, tại tỉnh Ninh Bình; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Xóm 13, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: Khóm M, thị trấn M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; cha: Trần Văn K; mẹ: Trần Thị H, vợ: Trần Thị T, sinh năm 1984; có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình giải quyết nguồn tin về vụ việc Cố ý gây thương tích, cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và gây rối trật tự công cộng xảy ra khoảng 20 giờ ngày 24/12/2020, tại Tổ 40, Khóm 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, Cơ quan điều tra tiến hành mời những đối tượng có liên quan về trụ sở làm việc và thu giữ một số đồ vật, tài liệu để phục vụ công tác điều tra. Qua kiểm tra nội dung trong điện thoại hiệu Nokia màu xanh, gắn sim số 0988.319.882 của Trần Văn Q, phát hiện nhiều tin nhắn liên quan đến hành vi mua số lô đề giữa Q với Phạm Văn N thông qua số thuê bao 0929.837.777.

Ngày 11/3/2021, Cơ quan điều tra tiến hành đối chiếu và cho Q giải trình nội dung tin nhắn mua bán số lô đề, thể hiện:

- Lúc 17 giờ 35 phút ngày 05/12/2020, Q sử dụng số thuê bao 0988.319.882 nhắn tin cho số thuê bao 0929.837.777 của N để mua số lô đề đài miền Bắc với tổng số tiền 3.100.000 đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 2.600.000đồng, N đồng ý. Đối chiếu kết quả xổ số, Q trúng được 12.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong ngày 05/12/2020 của Q và N là 3.100.000 đồng + 12.000.000 đồng = 15.100.000 đồng.

- Lúc 17 giờ 06 phút ngày 06/12/2020, Q sử dụng số thuê bao 0988.319.882 nhắn tin cho số thuê bao 0929.837.777 của N để mua số lô đề đài miền Bắc với tổng số tiền 2.650.000đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 2.400.000đồng, N đồng ý. Đối chiếu kết quả xổ số, Q không có số trúng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong ngày 06/12/2020 của Q và N là 2.650.000 đồng.

- Lúc 17 giờ 56 phút ngày 13/12/2020, Q sử dụng số thuê bao 0988.319.882 nhắn tin cho số thuê bao 0929.837.777 của N để mua số lô đề đài miền Bắc với tổng số tiền 1.850.000đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 1.600.000đồng, N đồng ý. Đối chiếu kết quả xổ số, Q không có số trúng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong ngày 13/12/2020 của Q và N là 1.850.000 đồng.

- Lúc 17 giờ 17 phút ngày 14/12/2020, Q sử dụng số thuê bao 0988.319.882 nhắn tin cho số thuê bao 0929.837.777 của N để mua số lô đề đài miền Bắc với tổng số tiền 1.950.000đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 1.700.000đồng, N đồng ý. Đối chiếu kết quả xổ số, Q không có số trúng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong ngày 14/12/2020 của Q và N là 1.950.000 đồng.

Qua làm việc, N và Q thừa nhận có hành vi mua bán số lô đề đài miền Bắc như nội dung tin nhắn đã thể hiện. N đã giao nộp điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus có gắn sim 0929.837.777 là sim N dùng liên lạc với Q để bán số lô đề, nhưng N không nhớ rõ các số lô đề đã bán cho Q và kiểm tra nội dung điện thoại Iphone 6 Plus thì không có nội dung bán số đề với Q. N trình bày điện thoại di động trước đây N sử dụng liên lạc bán số lô đề cho Q đã bị hỏng nên N đã vứt bỏ. Sau đó, N gắn sim 0929.837.777 vào điện thoại Iphone 6 Plus để tiếp tục sử dụng cho công việc cá nhân, không liên quan đến hành vi đánh bạc.

N và Q quy ước ký hiệu, cách thức mua bán và tính thắng thua như sau:

- Số lô miền Bắc: Kết quả trúng giải được tính theo 02 chữ số cuối của tất cả các

giải theo kết quả xổ số miền Bắc, mỗi điểm lô tương đương 22.000đồng.

- Đề, số đề miền Bắc: Kết quả trúng giải được tính theo 02 chữ số cuối của giải đặc biệt theo kết quả xổ số miền Bắc.

- Đề 5 con: Kết quả trúng giải được tính theo 02 chữ số cuối của giải đặc biệt và 02 chữ số của 04 giải bảy theo kết quả xổ số miền Bắc.

- Tỷ lệ thắng thua là 01 thắng 80.

- Ký hiệu (OK) nghĩa là thống nhất các nội dung tin nhắn đánh số đề.

- Ký hiệu (No), (Nô), (Lô) có nghĩa bán các số của 02 con số cuối từ giải bảy đến giải đặc biệt (27 số) trong kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc.

- Ký hiệu (Nghìn), (Ngìn) là số tiền mua số đề.

- Ký hiệu (Điểm) là số tiền mua số lô đề, mỗi điểm quy ước là 22.000 đồng.

Cách thức chung chi tiền đánh bạc giữa Q, N và Hoàng như sau: Sau khi được cấn trừ tiền trúng với số tiền mua bán số đề và số tiền các bên vay mượn nhau trong việc làm ăn không liên quan đến hoạt động đánh bạc thì Q còn nợ tiền đánh bạc của Hoàng 1.200.000 đồng nên N điện thoại cho Hoàng và hẹn địa điểm trả tiền tại khu vực cầu Q Thiện thuộc xã Q Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Sau đó, Q gọi điện thoại bảo Trần Thị Tơ sinh năm 1984, ngụ Xóm 13, xã Chất Bình, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình là vợ của Q đến giao tiền nhưng Q không nói cho Tơ biết đó là tiền nợ đánh bạc. Đối với số tiền 415.000 đồng thu lợi bất chính, N đã nhận đủ tiền từ Hoàng thông qua hình thức nạp tiền thẻ cào điện thoại.

Ngoài 04 ngày đánh bạc như trên, Q còn nhắn tin cho N để mua số lô đề của N vào các ngày 02, 04, 08, 17, 20/12/2020 nhưng N không trả lời có nhận bán hay không nên không đủ căn cứ quy kết Q và N phạm tội đánh bạc trong những lần này.

Tại bản án số: 81/2021/HS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 và điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q phạm tội "Đánh bạc"

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, các bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q cùng có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn N cung cấp xác nhận bị cáo là lao

động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo có cha là người có công với cách mạng. Bị cáo Trần Văn Q không cung cấp thêm tình tiết nào mới tại cấp phúc thẩm. Xét thấy, mức án mà cấp sơ thẩm tuyên với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo. Mặc dù, bị cáo Phạm Văn N có cung cấp thêm tình tiết mới tại cấp phúc thẩm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng mức hình phạt áp dụng với bị cáo N phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo. Riêng bị cáo Q không cung cấp thêm tình tiết nào mới tại cấp phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo.

Do bị cáo Phạm Văn N còn bị xét xử trong một vụ án khác và đã có bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung của hai bản án đối với bị cáo Phạm Văn N.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo chỉ xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn N, Trần Văn Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Trong các ngày 05, 06, 13 và 14 tháng 12 năm 2020, Q sử dụng số thuê bao 0988.319.882 nhắn tin đến số thuê bao 0929.837.777 của N để mua số lô đề của đài miền Bắc với tổng số tiền 9.550.000 đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 8.300.000đồng, số tiền trúng là 12.000.000 đồng, N đồng ý. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của N và Q là 21.550.000 đồng, trong đó có 01 ngày số tiền dùng để đánh bạc trên 5.000.000đồng. Ngoài ra, sau khi bán số lô đề cho Q, N chuyển tin nhắn cho thầu trên nhằm mục đích để thầu trên thắng thua với Q còn N thu lợi bất chính với tổng số tiền là 415.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo biết hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện và tội phạm đã hoàn thành. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Sau khi án sơ thẩm tuyên bị cáo Phạm Văn N kháng cáo xin được giảm hình phạt và được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình để nuôi vợ con và cha bị cáo là người có công với cách mạng. Mặc dù đây là các tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng

nhưng xét thấy mức án phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với hành vi của bị cáo. Trong vụ án này bị cáo là người tổ chức bán số đề cho Trần Văn Q nhưng án sơ thẩm xét xử bị cáo bằng với mức án của bị cáo Q là đã nhẹ cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chỉ áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Ngoài vụ án này bị cáo còn bị xét xử trong vụ án đánh bạc khác với mức hình phạt 06 tháng tù theo bản án hình sự phúc thẩm số: 39/HS-PT ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung của hai bản án đối với bị cáo Phạm Văn N.

Bị cáo Trần Văn Q kháng cáo xin được giảm hình phạt và được hưởng cải tạo không giam giữ nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q.

2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q phạm tội "Đánh bạc"

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 01 (một) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và Bản án phúc thẩm số: 39/HS-PT ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo Phạm Văn N phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo đước tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Văn N và Trần Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND Tp.L (06 bản);
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Cơ quan CSĐT CA Tp.L;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS CA Tp.L;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Nhựt Minh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Huỳnh Thanh Mỹ	**Nguyễn Thị Võ Trinh**	**Lê Khắc Thịnh**

Nơi nhận:
- TANDTC - Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy:
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện Hồng Ngự;
- CQCSĐT Công an huyện Hồng Ngự;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Minh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Khắc Thịnh